

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-10-2019

“Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giữ
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXX- ST, ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1978 nơi cư trú: tổ 06, Ấp Tân H, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980 nơi cư trú: tổ 08, Ấp Tân Đ, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 22/7/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng A trình bày:

Vào năm 2000 anh và chị Nguyễn Thị K tự tìm hiểu quen biết nhau, được sự chấp thuận của gia đình hai bên anh và chị K tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã Tân Q, huyện Bình M (nay là huyện BT), tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/11/2003. Nữ trang cưới có nhưng không nhớ số lượng bao nhiêu và đã bán tiêu xài hết không còn..

Sau khi cưới vợ chồng sống tại ấp Tân H, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm và sinh được 02 con chung tên Nguyễn Chế Th, sinh ngày 22/7/2001 và Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 15/3/2003, các con đang sống chung với chị K. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập ra được tài sản chung, không có nợ chung và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Hoàng A mâu thuẫn với gia đình bên vợ nên vợ chồng cự cãi và năm 2006 anh chị đã sống ly thân cho đến nay, khi vợ chồng sống ly thân thì con chung do chị K chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai nên anh Nguyễn Hoàng A xin ly hôn với chị Nguyễn Thị K. Về con chung Nguyễn Chế Th, sinh ngày 22/7/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Cháu Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 15/3/2003 anh Nguyễn Hoàng A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị K được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

Ý kiến trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị K: Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn chị K hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Ý kiến trình bày của cháu Nguyễn Thị Kiều Tr: Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2019 cháu Tr có ý kiến từ ngày cha mẹ sống ly thân cháu theo mẹ sống với ông ngoại, hiện cháu đang học cấp 3, mẹ cháu đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, mẹ gửi tiền về nuôi cháu. Nếu cha mẹ ly hôn cháu muốn sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng A yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị K. Con chung Nguyễn Chế Th, sinh ngày 22/7/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Cháu Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 15/3/2003 anh Nguyễn Hoàng A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị K được tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa hôm nay không có mặt chị K nên không có ý kiến của chị Kiều về vấn đề cấp dưỡng nuôi cháu Tr, nếu sau này chị K có yêu cầu thì anh và chị K sẽ thỏa thuận nếu không thỏa thuận được

sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật và ý kiến đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Áp dụng Điều 28,35, 39, 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, 51, 56, 58, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hoàng A đối với chị Nguyễn Thị K.

Về con chung: Giao Cháu Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 15/3/2003 cho chị Nguyễn Thị K tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Hoàng A chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Hoàng A phải nộp số tiền là 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Hoàng A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị K đăng ký nhân khẩu thường trú Tổ 08, ấp Tân Đ, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập họp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải các ngày 16/8/2019, ngày 06/9/2019, triệu tập tham dự phiên tòa vào các ngày 30/9/2019 và ngày 22/10/2019 cho chị Nguyễn Thị K đúng theo quy định của pháp luật nhưng chị Nguyễn Thị K hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt chị K. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng A và chị Nguyễn Thị K có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/11/2003 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng A xin ly hôn chị Nguyễn Thị K hoàn toàn có cơ sở. Bởi vì, về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh, chị là trầm trọng, anh Nguyễn Hoàng A và chị Nguyễn Thị K đã có thời gian sống ly thân rất lâu từ năm 2006 cho đến nay. Anh Hoàng A xác định không còn tình cảm với chị K nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Hoàng A được ly hôn với chị Nguyễn Thị K.

[2.2] Về con chung: Tại phiên tòa anh Nguyễn Hoàng A tự nguyện đồng ý để chị K tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 15/3/2003, anh Hoàng A không phải cấp dưỡng nuôi con. Vấn đề giao cháu Tr cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng là sự tự nguyện của anh Nguyễn Hoàng A nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh Nguyễn Hoàng A không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị K không được ngăn cản. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh Hoàng A có ý kiến anh không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa do chị K vắng mặt và không có ý kiến của chị K về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử dành riêng cho chị K vụ kiện liên quan đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nếu có yêu cầu.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Hoàng A không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Anh Nguyễn Hoàng A phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, 56 và Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng A đối với chị Nguyễn Thị K. Cho anh Nguyễn Hoàng A ly hôn với chị Nguyễn Thị K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 15/3/2003 cho chị Nguyễn Thị K tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với vấn đề cấp dưỡng, anh Nguyễn Hoàng A có ý kiến anh không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa do chị Nguyễn Thị K vắng mặt và không có ý kiến của chị K về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử dành riêng cho chị Nguyễn Thị K vụ kiện liên quan đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nếu có yêu cầu. Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Hoàng A không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Hoàng A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0011075 ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy anh Nguyễn Hoàng A đã nộp đủ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn chị Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.H Bình Tân 01;
- Chi cục THADS.H Bình Tân 01;
- UBND xã Tân Q 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Diễm